Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-01-15 15:47:50 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 351/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cư trú số 68/2024/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình theo quy định của Luật Cư trú.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan.

Điều 2. Chuẩn nghèo đa chiều quốc gia năm 2026

1. Tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2. Chuẩn nghèo quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2026.

Điều 3. Chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030

1. Tiêu chí đo lường chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030:

a) Tiêu chí thu nhập:

Ở khu vực nông thôn: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.200.000 đồng/người/tháng.

Ở khu vực đô thị: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.800.000 đồng/người/tháng.

b) Chiều, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản:

Chiều thiếu hụt việc làm gồm: chỉ số việc làm, chỉ số người phụ thuộc trong hộ gia đình.

Chiều thiếu hụt y tế gồm: chỉ số bảo hiểm y tế, chỉ số dinh dưỡng.

Chiều thiếu hụt giáo dục gồm: chỉ số trình độ giáo dục của người lớn, chỉ số tình trạng đi học của trẻ em.

Chiều thiếu hụt nhà ở gồm: chỉ số diện tích nhà ở bình quân đầu người, chỉ số chất lượng nhà ở.

Chiều thiếu hụt thông tin gồm: chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ số cơ bản.

Chiều thiếu hụt nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường gồm: chỉ số nguồn nước sinh hoạt, chỉ số nhà tiêu (công trình phụ) hợp vệ sinh, chỉ số xử lý rác thải.

c) Quy định đo lường các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo:

a) Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

c) Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

d) Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu, biểu báo cáo.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030 và mẫu, biểu báo cáo.

c) Chỉ đạo, tập huấn, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030 tại thời điểm rà soát đầu kỳ vào cuối năm 2026 và báo cáo định kỳ, thường xuyên theo quy định.

d) Tổng hợp, công bố kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030.

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác rà soát, công nhận và thu thập, quản lý Cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030.

e) Hằng năm kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030 tại các địa phương; năm 2030 tổ chức tổng kết việc thực hiện chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030.

2. Bộ Tài chính

a) Bổ sung hệ thống thu thập số liệu các chiều, chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030 trong khảo sát mức sống dân cư hằng năm nhằm phục vụ theo dõi, đánh giá tình trạng nghèo đa chiều của quốc gia và các địa phương.

b) Hằng năm công bố tỷ lệ nghèo đa chiều (cập nhật chỉ số giá tiêu dùng) và kết quả đo lường các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030 trên toàn quốc.

c) Cân đối, bố trí ngân sách thực hiện các chính sách giảm nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030.

3. Bộ Y tế quy định các tiêu chuẩn, quy chuẩn về nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh.

4. Các bộ, cơ quan liên quan

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030 và mẫu, biểu báo cáo.

b) Trên cơ sở kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên toàn quốc (Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố) và quyết định phê duyệt kết quả của các địa phương, các bộ, cơ quan đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với hộ nghèo không có khả năng lao động, các

giải pháp tác động trong các chương trình, dự án, chính sách đặc thù và thường xuyên nhằm nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân, nhất là các vùng có tỷ lệ nghèo đa chiều cao.

5. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tăng cường giám sát việc thực hiện xác định đối tượng và quá trình triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định tại Nghị định này nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Chỉ đạo thực hiện rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kết quả rà soát; báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường bảo đảm theo mẫu, biểu, thời gian quy định.

b) Chỉ đạo, ban hành kế hoạch thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027 - 2030 trên địa bàn.

c) Công bố kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030 trên địa bàn.

d) Tổ chức thực hiện các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản.

đ) Căn cứ điều kiện thực tế, các tỉnh, thành phố có thể quy định chuẩn nghèo đa chiều của địa phương cao hơn so với chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030 (nâng mức tiêu chí về thu nhập, điều chỉnh, bổ sung các chiều, chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, quy định về đo lường chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản) làm căn cứ thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù trên địa bàn.

e) Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cân đối, bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách giảm nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều tại điểm đ trên và đặc thù của địa phương.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2026.

2. Chuẩn hộ có mức sống trung bình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP tiếp tục thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến khi Chính phủ có quy định khác thay thế.

3. Tiêu chí, quy trình rà soát, xác định người lao động có thu nhập thấp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục

QUY ĐỊNH ĐO LƯỜNG CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN TRONG CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2027 - 2030

(Kèm theo Nghị định số :351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)

Các chiều thiếu hụt	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản	Ngưỡng thiếu hụt
1. Việc làm	Việc làm	Hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm (người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, sẵn sàng/mong muốn làm việc nhưng không tìm được việc làm); hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động*. (*) Xem xét cho việc làm thường xuyên, đều đặn, mang tính chất ổn định hoặc tương đối ổn định.
	Người phụ thuộc trong hộ gia đình	Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%. Người phụ thuộc bao gồm: trẻ em dưới 16 tuổi; người cao tuổi hoặc người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.
2. Y tế	Dinh dưỡng	Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.
	Bảo hiểm y tế	Hộ gia đình có ít nhất một người từ đủ 6 tuổi đến 75 tuổi hiện không có bảo hiểm y tế.
3. Giáo dục	Trình độ giáo dục của người lớn	Hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 tuổi đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng [Người từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đang học hoặc đã tốt nghiệp trung học cơ sở; từ 18 tuổi đến 30 tuổi đang học hoặc đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc sơ cấp/trung cấp/cao đẳng nghề; hoặc người từ 16 tuổi đến 30 tuổi được doanh nghiệp tuyển dụng và chứng nhận đào tạo nghề tại chỗ (hình thức vừa học vừa làm)].

Các chiều thiếu hụt	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản	Ngưỡng thiếu hụt
	Tình trạng đi học của trẻ em	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi (trẻ từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non, trẻ từ 6 tuổi đến dưới 12 tuổi được tiếp cận giáo dục tiểu học và trẻ từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi được tiếp cận giáo dục trung học cơ sở).
4. Nhà ở	Chất lượng nhà ở	Hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc (trong ba kết cấu chính là nền - móng, khung - tường, mái thì có ít nhất hai kết cấu được làm bằng vật liệu không bền chắc).
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 8 m^2.
5. Thông tin	Sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ số cơ bản	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng dịch vụ internet và các dịch vụ số cơ bản.
6. Nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường	Nước sinh hoạt	Hộ gia đình chưa được sử dụng nước sinh hoạt theo quy chuẩn.
	Nhà tiêu (công trình phụ) hợp vệ sinh	Hộ gia đình không sử dụng nhà tiêu (công trình phụ) hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn.
	Xử lý rác thải	Hộ gia đình xử lý rác thải không bảo đảm vệ sinh môi trường (không sử dụng dịch vụ thu gom rác thải).